

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-7-2022.
V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Nguyễn Văn Thắng.

2/. Ông Trần Trung Kiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:
ông Huỳnh Thanh Huân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự;

- ***Nguyên đơn:*** Chị Ngô Thanh Tr, sinh năm 1979; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Địa chỉ: ấp H, xã Đại Ph, huyện C, tỉnh V.

- ***Bị đơn:*** Anh Lê Văn Th, sinh năm 1982; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Địa chỉ: ấp H, xã Đại Ph, huyện C, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thanh Tr trình bày:

Chị với anh Th tự quen biết nhau, được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý cho anh, chị đi đến hôn nhân. Đám cưới năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Mỹ vào ngày 22/3/2004. Lúc cưới bên chồng cho chị 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K. Tất cả số vàng này vợ chồng chị đồng ý bán hết để chi tiêu nên hiện nay không còn.

Sau ngày cưới anh, chị đi Bình Dương thuê nhà ở đi làm công nhân. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Thường có người phụ nữ khác bên

ngoài. Từ đó chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Th từ đó đến nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th;

- Về con chung: tên Lê Anh H, sinh ngày 26/10/2004 và Lê Thị Ngọc H sinh ngày 02/02/2006 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị để con tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ đều được và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh, chị không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về số nợ phải thu, phải chi: anh, chị không thiếu nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh Lê Văn Th là bị đơn trình bày:

Anh là chồng của chị Ngô Thanh Tr. Anh hoàn toàn thống nhất lời trình bày của chị Tr về quan hệ hôn nhân, nữ trang cưới, con chung, tài sản chung, nợ chung phải thu, phải chi là đúng sự thật.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị đi làm ở Bình Dương, còn anh làm tại ấp Đức Mỹ, xã Đức Mỹ. Thỉnh thoảng chị Tr về thăm gia đình và thấy người phụ nữ lạ ở trong nhà nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ đó chị Tr giận anh và trở lại Bình Dương làm cho đến nay không trở về. Anh có điện thoại nhiều lần khuyên chị quay trở về hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Tr không đồng ý. Cho nên anh, chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó đến nay.

Nay về quan hệ hôn nhân anh không đồng ý ly hôn với chị Ngô Thanh Tr, trường hợp chị Tr cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: tên Lê Anh H, sinh ngày 26/10/2004 và Lê Thị Ngọc H sinh ngày 02/02/2006 hiện đang sống chung với chị Tr. Khi ly hôn anh để con tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ đều được và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh, chị không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về số nợ phải thu, phải chi: anh, chị không thiếu nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh thống nhất với các chứng cứ chị Tr đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho anh được biết, riêng anh không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án xem xét.

Tại bản khai cháu Lê Anh H và Lê Thị Ngọc H là con của chị Ngô Thanh Tr và anh Lê Văn Th trình bày:

- Tôi tên Lê Anh H là con của cha Lê Văn Th và mẹ Ngô Thanh Tr. Hiện nay tôi đang sống chung với mẹ, khi cha mẹ ly hôn tôi có nguyện vọng tiếp tục được sống chung với mẹ.

- Tôi tên Lê Thị Ngọc H là con của cha Lê Văn Th và mẹ Ngô Thanh Tr. Hiện nay tôi đang sống chung với mẹ, khi cha mẹ ly hôn tôi có nguyện vọng tiếp tục được sống chung với mẹ.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Lê Văn Th vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thanh Tr là nguyên đơn và anh Lê Văn Th là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn anh Lê Văn Th chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể anh Lê Văn Th không có mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 14, 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Ngô Thanh Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thanh Tr với anh Lê Văn Th được ly hôn.

- Về con chung: chị Ngô Thanh Tr được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Lê Anh H sinh ngày 26/10/2004 và Lê Thị Ngọc H sinh ngày 02/02/2006.

Anh Lê Văn Th được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thanh Tr chưa có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do hai bên đương sự đều thống nhất xác định là không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Vị còn đề nghị buộc chị Ngô Thanh Tr có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên Tòa hôm nay chị Ngô Thanh Tr là nguyên đơn, anh Lê Văn Th là bị đơn, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải

quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Ngô Thanh Tr và anh Lê Văn Th được xác lập vào năm 2004 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Mỹ, huyện Càng Long vào ngày 22/03/2004 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị Tr và anh Th là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: do chị Tr và hai con đi làm ăn ở Bình Dương, anh Th làm ăn tại ấp Đức Mỹ, xã Đức Mỹ. Vì vậy ít khi chị Tr về thăm gia đình, cho nên khi về nhà thấy người phụ nữ lạ mặt trong nhà mình làm chị nghi ngờ và không tin tưởng anh Th nữa. Từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị đi Bình Dương không trở về. Anh Th có liên lạc để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị vẫn cương quyết không đồng ý và vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 14/4/2022; 29/4/2022 và ngày 11/5/2022, để chị Tr và anh Th có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng anh Th đều vắng mặt.

Nay chị Tr và anh Th đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Chị Tr yêu cầu ly hôn, anh Th không đồng ý, vì anh cho rằng sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý của con. Trường hợp chị Tr cương quyết ly hôn thì anh đồng ý. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Tr với anh Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Tr là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng chị Tr và anh Th đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh, chị đã ly thân, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ các nguyên nhân trên xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa chị Tr và anh Th ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Tr xin ly hôn với anh Th là có căn cứ, đúng qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu cho chị Tr và anh Th được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung tên: Lê Anh H sinh ngày 26/10/2004 và Lê Thị Ngọc H sinh ngày 02/02/2006 hiện đang sống chung với chị Tr. Tại bản khai cháu H và cháu H có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị Tr, từ đó nên giao chị Tr được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại

Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh Lê Văn Thg được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nhưng chị Tr chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr và anh Th (thể hiện ý kiến qua Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai) thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh, chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr và anh Th (thể hiện ý kiến qua Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai) thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.6] Về án phí: chị Ngô Thanh Tr có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thanh Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thanh Tr và anh Lê Văn Th được ly hôn.

- Về con chung: Chị Ngô Thanh Tr được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Anh H sinh ngày 26/10/2004 và Lê Thị Ngọc sinh ngày 02/02/2006.

Anh Lê Văn Th được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thanh Tr chưa có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thanh Tr và anh Lê Văn Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Ngô Thanh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0010259, ngày 15/3/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị Ngô Thanh Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Văn Th không phải nộp án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Thị Thơ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Càng Long, ngày 07 tháng 7 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 7 năm 2022.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Nguyễn Văn Thắng.

2/. Ông Trần Trung Kiên.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về vụ: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thanh Trúc, sinh năm 1979; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Địa chỉ: ấp Hạ, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn Thường, sinh năm 1982; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Địa chỉ: ấp Hạ, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất 100% (tức 3/3) quyết định những vấn đề sau đây:

Căn cứ vào các Điều 14, 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Ngô Thanh Trúc.

- **Về quan hệ hôn nhân**: Cho chị Ngô Thanh Trúc và anh Lê Văn Thường được ly hôn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- **Về con chung:** Chị Ngô Thanh Trúc được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Anh Hòa sinh ngày 26/10/2004 và Lê Thị Ngọc Hân sinh ngày 02/02/2006. Anh Lê Văn Thường được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Ngô Thanh Trúc chưa có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Ngô Thanh Trúc và anh Lê Văn Thường xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- **Về án phí:** Chị Ngô Thanh Trúc phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0010259, ngày 15/03/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị Ngô Thanh Trúc đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Văn Thường không phải nộp án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 7 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng – Trần Trung Kiên

Nguyễn Thị Thơ